



DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XVII - KHOA ANH VĂN PHẬT PHÁP
KỲ THI: GIỮA KỲ - HỌC KỲ 5; MÔN : ĐẠI CƯƠNG LUẬT HỌC PHẬT GIÁO (NI)
MÃ MÔN: GEN104B; MÃ LỚP: 517.DC.GEN104B.1.1
GIẢNG VIÊN : NS.TS. THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆT
THỜI GIAN THI: 07H00 - 08H30; THỨ BA NGÀY 16/04/2024; PHÒNG 203-TÒA HỌC ĐƯỜNG A

TT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
1	1450000211	Trần Thị Thùy Dung	TN. Trung Nghi			
2	1450000240	Nguyễn Thị Hoa	TN. Diệu Lan			
3	1450000307	Lưu Thị Minh Nguyệt	TN. Nhuận Châu			
4	2050000273	Đặng Thị Thanh Huyền	TN. Nhuận Đạo			
5	2150000225	Đoàn Thị Phương Anh	TN. Diệu Hòa			
6	2150000227	Nguyễn Thị Bé Ba	TN. Bồn Thảo			
7	2150000229	Lê Thị Ngọc Bích	TN. Viên Đạo			
8	2150000234	Ngô Thị Mỹ Châu	TN. Hạnh Bảo			
9	2150000266	Ngô Thu Hà	TN. Thọ Hòa			
10	2150000267	Nguyễn Thị Hà	TN. Hạnh Hiền			
11	2150000269	Nguyễn Thị Thanh Hà	TN. Thiên Bảo			
12	2150000277	Huỳnh Nữ Hạnh	TN. Tú Liên			
13	2150000278	Lê Thị Hồng Hạnh	TN. Thường Chánh			
14	2150000292	Châu Trần Minh Hiếu	TN. Thuận An			
15	2150000311	Trần Thị Mỹ Hương	TN. Hằng Giới			
16	2150000313	Nguyễn Thị Hường	TN. Liên Tâm			
17	2150000336	Lê Thị Lâm Linh	TN. Liên Liên			
18	2150000339	Nguyễn Thị Trúc Linh	TN. Vĩnh Hạnh			
19	2150000345	Nguyễn Thanh Loan	TN. Chân Hữu			
20	2150000351	Lê Thị Lộc	TN. Hương Tuệ			
21	2150000355	Bùi Thị Phong Lưu	TN. Nhuận Truyền			
22	2150000366	Nguyễn Thị Mơ	TN. Quảng Tường			
23	2150000377	Lê Thị Kim Ngân	TN. Hương Tâm			
24	2150000378	Lê Thị Mỹ Ngân	TN. Hạnh Tín			
25	2150000379	Lê Thị Tuyết Ngân	TN. Tâm Phước			
26	2150000390	Nguyễn Thị Nhân	TN. Hạnh Tâm			
27	2150000398	Đỗ Thị Hồng Nhung	TN. Chân Nhã			

28	2150000400	Phạm Thị Hồng Nhung	TN. Thanh Hoàng			
29	2150000408	Dương Thị Oanh	TN. Diệu Phương			
30	2150000439	Đào Ngọc Tâm	TN. Tâm Hào			
31	2150000454	Nguyễn Thị Hồng Thi	TN. An Triết			
32	2150000460	Đinh Thúy Thọ	TN. Diệu Sanh			
33	2150000469	Nguyễn Thị Minh Thư	TN. Vạn Tịnh			
34	2150000489	Trương Thị Thu Thủy	TN. Thanh Nghiêm			
35	2150000498	Ngô Thị Trâm	TN. Nghĩa Nhân			
36	2150000499	Nguyễn Thị Kim Trâm	TN. Thanh Nguyệt			
37	2150000505	Nguyễn Thị Thùy Trang	TN. Bồn Thanh			
38	2150000516	Lê Thủy Trúc	TN. Tịnh Minh			
39	2150000519	Nguyễn Thị Tươi	TN. Đức Hoa			
40	2250000090	Hồ Nguyễn Phương Anh	TN. Liên Uyển			
41	2250000091	Nguyễn Thị Phương Anh	TN. Tịnh Trí			
42	2250000092	Nguyễn Thị Hoàng Anh	TN. Liên Hằng			
43	2250000094	Hoàng Thị Bé	TN. Thảo Hoàng			
44	2250000095	Cao Thị Ngọc Bích	TN. Tâm Liên			
45	2250000096	Phạm Nguyễn Linh Chi	TN. Diệu An			
46	2250000097	Phạm Thị Chiến	TN. Bảo Minh			
47	2250000098	Nguyễn Thị Cúc	TN. Quang Quỳnh			
48	2250000099	Phan Thị Ngọc Diện	Thích Nữ Huệ Hậu			
49	2250000102	Trịnh Thị Đúng	TN. Trung Thuần			
50	2250000103	Lê Nguyễn Kỳ Duyên	TN. Viên Thông			
51	2250000104	Nguyễn Hoàng Kỳ Duyên	TN. Nhật Vân			
52	2250000108	Nguyễn Thị Thu Hà	TN. Trung Giác			
53	2250000109	Lê Thị Thuận Hải	TN. Viên Thành			
54	2250000110	Nguyễn Thị Hồng Hải	TN. Chơn Y			
55	2250000113	Trương Thị Thúy Hằng	TN. Liên Hà			
56	2250000115	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	TN. Hiếu Liên			
57	2250000117	Tô Ngọc Hào	TN. Diệu Thanh			
58	2250000118	Võ Thị Vân Hậu	Thích Nữ Liên Ti			
59	2250000119	Phạm Thị Thanh Hậu	TN. Nghiêm Giới			

60	2250000120	Nguyễn Thị Hiền	TN. Nhuận Nguyễn			
61	2250000122	Lê Thị Hiếu	TN. Quang Thuận			
62	2250000124	Huỳnh Thị Lệ Hòa	TN. Minh Phúc			
63	2250000125	Nguyễn Thị Thu Hồng	TN. Vạn Tiến			
64	2250000127	Nguyễn Thị Hương	TN. Thánh Thanh			
65	2250000130	Phạm Nguyễn Liên Kiều	TN. Diệu Phúc			
66	2250000131	Nguyễn Thị Hoanh Kiều	TN. Hạnh Trí			
67	2250000132	Nguyễn Thị Lan	TN. Huệ Bảo			
68	2250000134	Trần Thị Phương Linh	TN. Nhẫn Thiện			
69	2250000135	Nguyễn Tôn Thị Thùy Linh	TN. Tĩnh Huyền			
70	2250000136	Phan Thị Mỹ Lơ	TN. Trí Tường			

TỔNG BÀI THI:

GIÁM THỊ

1

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM THỊ

2

THƯ KÝ

(Ký , họ tên)

GIẢNG VIÊN